

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2025/HNGĐ – ST**
Ngày: 17/6/2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Chín;
2. Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 2003

Số căn cước công dân: 070303006486, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2023

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Cư trú tại: khu phố Xà M, TT L, huyện B, tỉnh Bình Dương

2. Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh T, sinh năm: 2001

Số căn cước công dân: 070201006066, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 5/7/2021

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Sơn Ph, xã Phú S, huyện B, tỉnh Bình Phước

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức (Z30D)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Đ, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Mạnh T tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc H, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72/2022, ký ngày 30/8/2022. Sau khi chung sống thì giữa chị và anh Đỗ Mạnh T thường xuyên xảy ra cãi vã do anh Đỗ Mạnh T chơi bời, nhậu nhẹt liên tục, sử dụng trái phép chất ma túy và có mối quan hệ với người khác. Đến cuối năm 2022 thì anh Đỗ Mạnh T bỏ đi, không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Đến năm 2024 thì anh Đỗ Mạnh T bị bắt tạm giam. Trong thời gian từ cuối năm 2022 đến năm 2024 chị nhiều lần liên lạc với anh Đỗ Mạnh T nhưng anh Đỗ Mạnh T dấu diếm địa chỉ. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cho chị được ly hôn với anh Đỗ Mạnh T.

Về con chung: chị và anh Đỗ Mạnh T có 01 con chung là Đỗ An Nh, sinh ngày: 19/01/2022. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Mạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời khai của chị Trần Thị Thùy L về việc chung sống và đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2024 anh bị bắt về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và chấp hành án tại Trại giam Thủ Đ. Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thùy L.

Về con chung: anh và chị Trần Thị Thùy L có 01 con chung tên là Đỗ An Nh, sinh ngày: 19/01/2022. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy L về việc ly hôn với anh Đỗ Mạnh T.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao Đỗ An Nh, sinh ngày: 19/01/2022 cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Thùy L (là nguyên đơn), anh Đỗ Mạnh T (là bị đơn) vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thùy L và anh Đỗ Mạnh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Lộc H, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72/2022, ký ngày 30/8/2022. Lời khai của anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Trần Thị Thùy L: chị Trần Thị Thùy L khai nhận quá trình chung sống giữa chị và anh Đỗ Mạnh T nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng với nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh Đỗ Mạnh T không chí thú làm ăn, thường xuyên chơi bời, nhậu nhẹt và sử dụng trái phép chất ma túy. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị Thùy L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Mạnh T không thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, anh Đỗ Mạnh T không thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy nhiên, theo tài liệu do Tòa án thu thập được thể hiện anh Đỗ Mạnh T là người nghiện ma túy. Vào ngày 12/4/2024 anh Đỗ Mạnh T cùng đồng phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại thành phố Tân U, Bình Dương. Như vậy, việc chị Trần Thị Thùy L khai nhận về mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ. Mặt khác, anh Đỗ Mạnh T đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đ (bút lục số 32) không thể thực hiện nghĩa vụ làm chồng, làm cha đối với chị Trần Thị Thùy L và con chung. Bản thân anh Đỗ Mạnh T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Thùy L.

[4] Về con chung: Anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L khai nhận anh chị có 01 con chung tên là Đỗ An Nh, sinh ngày: 19/01/2022. Lời khai của anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Xét, cháu Đỗ An Nh còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Trong thời gian vừa qua cháu Đỗ An Nh được chị Trần Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, hiện nay anh Đỗ Mạnh T không thể nuôi dưỡng con chung và anh Đỗ Mạnh T có nguyện vọng giao cháu cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Đỗ An Nh, đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho cháu Đỗ An Nh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Đỗ An Nh cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy L. Chị Trần Thị Thùy L được ly hôn với anh Đỗ Mạnh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2022, ký ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã Lộc H, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ An Nh, sinh ngày: 19/01/2022 cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Đỗ Mạnh T và chị Trần Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009605 ký ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện B;
 - Chi cục THADS huyện B;
 - UBND xã;
 - Các đương sự;
 - Cổng thông tin điện tử Tòa án;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu VP.
- (8 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh